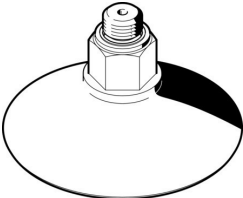


# Giác hút chân không ESS-50-GT-M6

Số bộ phận: 525976

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                            | Giá trị                                       |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Bù chiều cao Giác hút có giá đỡ     | 8 mm                                          |
| Bán kính phôi tối thiểu             | 40 mm                                         |
| Chiều rộng định mức                 | 2.5 mm                                        |
| đường kính cốt hút                  | 50 mm                                         |
| Thể tích cốt hút                    | 11.2 cm <sup>3</sup>                          |
| Vị trí lắp đặt                      | bất kì                                        |
| Phân bố Giác hút có giá đỡ          | Kích thước 4                                  |
| Hình dạng giác hút                  | tròn sâu                                      |
| Áp suất vận hành                    | -0.95 bar...0 bar                             |
| Áp suất vận hành định mức           | -0.7 bar                                      |
| Môi chất vận hành                   | khí quyển dựa trên ISO 8573-1: 2010 [7: -: -] |
| Lớp chống ăn mòn KBK                | 2 - bị ăn mòn vừa phải                        |
| Tuân thủ LABS                       | VDMA24364-A1-L                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh      | -10 °C...80 °C                                |
| Lực giữ ở áp suất vận hành định mức | 97 N                                          |
| Lực đẩy ở áp suất vận hành định mức | 30 N                                          |
| trọng lượng sản phẩm                | 17 g                                          |
| Kiểu gắn                            | Qua cổng nối chân không                       |
| Giác hút chân không                 | M6                                            |
| Màu sắc                             | nâu đỏ                                        |
| Độ cứng Shore                       | 72 +/- 5                                      |
| Vật liệu công nghệ vát              | Hợp kim nhôm rèn                              |
| Ghi chú vật liệu                    | Tuân thủ RoHS                                 |
| Vật liệu giác hút                   | Vulkollan                                     |